

Số: 377/2026/QĐST-HNGĐ

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 7 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - ĐÀ NẴNG

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 và Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
Căn cứ Luật phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 414/2025/TLST-VHNGĐ ngày 08 tháng 7 năm 2026 về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Đỗ Thị Nguyễn T, sinh năm 2002. Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 049302006758.

- Ông Nguyễn Thành T1, sinh năm 1999. Địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Đà Nẵng. Số CCCD: 049099001396.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Theo đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và tại phiên hòa giải ngày 16/12/2025 của người yêu cầu bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện N, tỉnh Quảng Nam (nay là xã T, thành phố Đà Nẵng) theo Giấy chứng nhận kết hôn số 71/2023 vào ngày 21/8/2023. Vì vậy, hôn nhân của bà T, ông T1 là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Các bên thừa nhận mâu thuẫn đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được và thống nhất ly hôn.

[2] Về con chung: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[4] Về lệ phí: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 phải chịu lệ phí giải quyết việc ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Xét thấy việc thỏa thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không trái quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên chấp nhận.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và sự thỏa thuận khi ly hôn, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1.

- Về con chung: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí giải quyết việc dân sự: Bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 phải chịu lệ phí ly hôn là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) bà Đỗ Thị Nguyễn T và ông Nguyễn Thành T1 đã nộp theo biên lai thu số 0000357 ngày 08 tháng 7 năm 2026 của Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà T, ông T1 đã nộp đủ lệ phí hôn nhân sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Đà Nẵng;
- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- THADS thành phố Đà Nẵng (KV5);
- VKSND khu vực 5 – Đà Nẵng;
- UBND xã T, TP Đà Nẵng theo Giấy CNKH số 71/2023, ngày 21/8/2023 để ghi vào sổ hộ tịch;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Liên

